

THỜI KHOÁ BIỂU

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 11 năm 2025

THỨ	TIẾT	10A1 (Toại)	10A2 (Hương Hoá)	10A3 (Diệp)	10A4 (Hoàn)	10A5 (Giang)	10A6 (Mừng)	10A7 (Hoài)	11A1 (Oanh)	11A2 (Linh Tin)	11A3 (Hương Anh)
2	1	ChCờ - Toại	ChCờ - Hương Hoá	ChCờ - Diệp	ChCờ - Hoàn	ChCờ - Giang	ChCờ - Mừng	ChCờ - Hoài	ChCờ - Oanh	ChCờ - Linh Tin	ChCờ - Hương Anh
	2	Lí - Toại	Lí - Minh	Sinh - Hoàn	Sử - Hiền	NNgữ - Giang	Văn - Hà	NNgữ - Hoài	TNHN - Hằng	Tin - Linh Tin	GDTC - Diện
	3	GDTC - An	NNgữ - Giang	NNgữ - Mai	Sinh - Hoàn	TNHN - Khuê	Văn - Hà	Sử - Hiền	Tin - Linh Tin	TNHN - Khoa	Lí - Lợi
	4	GDQP - Khoa	GDTC - An	Toán - Bích	TNHN - Bình	CNghệ - Khuê	NNgữ - Hoài	Lí - Minh	Sinh - Dũng	GDTC - Diện	Hóa - Hương Hoá
	5	NNgữ - Hoài	TNHN - Bình	Hóa - Diệp	GDQP - Khoa	Sinh - Hoàn	Toán - Bích	GDTC - An	GDTC - Diện	Hóa - Hương Hoá	TNHN - Hương Anh
3	1	Toán - Hậu	Toán - Huy	Hóa - Diệp	NNgữ - Giang	GDĐP - Hiền	TNHN - Sơn Địa	Toán - Hoà	Lí - Oanh	Văn - Văn	Toán - Nam Toán
	2	GDĐP - Hiền	Toán - Huy	GDTC - Nam Thể	Toán - Hoà	NNgữ - Giang	Địa - Sơn Địa	Văn - Trung	NNgữ - Trinh	Văn - Văn	Toán - Nam Toán
	3	Văn - Trung	Hóa - Hương Hoá	GDĐP - Hiền	Lí - Toại	Địa - Sơn Địa	GDQP - Khoa	NNgữ - Hoài	Toán - Thanh	Lí - Oanh	Lí - Lợi
	4	NNgữ - Hoài	NNgữ - Giang	Lí - Minh	Tin - Hoa Tin	KTPL - Mừng	GDTC - Nam Thể	CNghệ - Khuê	Sử - Hoa Sử	Tin - Linh Tin	Hóa - Hương Hoá
	5	Lí - Toại	Lí - Minh	TNHN - Sơn Anh	GDTC - Nam Thể	CNghệ - Khuê	NNgữ - Hoài	GDQP - Khoa	Tin - Linh Tin	Toán - Nam Toán	Sinh - Dũng
4	1	Hóa - Tuyết	TNHN - Bình	GDTC - Nam Thể	Toán - Hoà	Sử - Hiền	TNHN - Sơn Địa	Văn - Trung	Lí - Oanh	NNgữ - Tú Anh	GDQP - Quân
	2	Văn - Trung	Sinh - Hoàn	Sử - Hiền	Toán - Hoà	Toán - Bích	Nhạc - Hằng	TNHN - Bình	Toán - Thanh	Lí - Oanh	GDTC - Diện
	3	Văn - Trung	Tin - Hoa Tin	TNHN - Sơn Anh	TNHN - Bình	Văn - Thảo	Địa - Sơn Địa	Toán - Hoà	Văn - Văn	TNHN - Khoa	GDĐP - Hoa Sử
	4	Sử - Hiền	GDQP - Khoa	Sinh - Hoàn	NNgữ - Giang	GDTC - Nam Thể	Toán - Bích	KTPL - Mừng	NNgữ - Trinh	GDTC - Diện	Tin - Linh Tin
	5	Sinh - Hoàn	Văn - K. Hoa	Tin - Hoa Tin	GDTC - Nam Thể	NNgữ - Giang	Toán - Bích	Địa - Sơn Địa	TNHN - Hằng	Sinh - Dũng	NNgữ - Hương Anh
5	1	Toán - Hậu	Văn - K. Hoa	Toán - Bích	Văn - Hà	Sử - Hiền	GDTC - Nam Thể	Toán - Hoà	Hóa - Thu	GDQP - Quân	Sử - Hoa Sử
	2	Toán - Hậu	Văn - K. Hoa	Toán - Bích	Văn - Hà	GDTC - Nam Thể	Địa - Sơn Địa	Toán - Hoà	Văn - Văn	Toán - Nam Toán	Lí - Lợi
	3	Hóa - Tuyết	Tin - Hoa Tin	NNgữ - Mai	Lí - Toại	TNHN - Khuê	GDĐP - Hiền	Địa - Sơn Địa	Văn - Văn	Toán - Nam Toán	NNgữ - Hương Anh
	4	TNHN - Bình	Hóa - Hương Hoá	TNHN - Sơn Anh	Toán - Hoà	GDQP - Khoa	Toán - Bích	Văn - Trung	GDĐP - Hoa Sử	NNgữ - Tú Anh	TNHN - Hương Anh
	5	Lí - Toại	Toán - Huy	Văn - Bình	Hóa - Thu	Toán - Bích	Sử - Hiền	Văn - Trung	NNgữ - Trinh	Hóa - Hương Hoá	Toán - Nam Toán
6	1	GDTC - An	TNHN - Bình	Tin - Hoa Tin	NNgữ - Giang	Sinh - Hoàn	Văn - Hà	CNghệ - Khuê	Toán - Thanh	NNgữ - Tú Anh	Văn - Văn
	2	TNHN - Bình	NNgữ - Giang	GDQP - Khoa	Sinh - Hoàn	TNHN - Khuê	Văn - Hà	GDTC - An	Toán - Thanh	Lí - Oanh	Văn - Văn
	3	Sinh - Hoàn	GDTC - An	NNgữ - Mai	Hóa - Thu	KTPL - Mừng	Nhạc - Hằng	TNHN - Bình	Lí - Oanh	GDĐP - Hoa Sử	TNHN - Hương Anh
	4	Tin - Hoa Tin	Sinh - Hoàn	Lí - Minh	Văn - Hà	Văn - Thảo	KTPL - Mừng	NNgữ - Hoài	GDTC - Diện	Sinh - Dũng	NNgữ - Hương Anh
	5	NNgữ - Hoài	GDQP - Hoa Sử	Hóa - Diệp	TNHN - Bình	Văn - Thảo	Lí - Thuận	KTPL - Mừng	Hóa - Thu	TNHN - Khoa	Sinh - Dũng
7	1	TNHN - Bình	Hóa - Hương Hoá	Toán - Bích	Sinh - Hoàn	Địa - Sơn Địa	KTPL - Mừng	GDĐP - Hiền	TNHN - Hằng	Sử - Hoa Sử	Văn - Văn
	2	Hóa - Tuyết	Toán - Huy	Lí - Minh	Hóa - Thu	Toán - Bích	NNgữ - Hoài	TNHN - Bình	Sinh - Dũng	Hóa - Hương Hoá	Tin - Linh Tin
	3	Tin - Hoa Tin	Lí - Minh	Văn - Bình	GDĐP - Hiền	Toán - Bích	Lí - Thuận	Địa - Sơn Địa	Hóa - Thu	Toán - Nam Toán	Hóa - Hương Hoá
	4	Toán - Hậu	Sử - Hoa Sử	Văn - Bình	Tin - Hoa Tin	Văn - Thảo	TNHN - Sơn Địa	Lí - Minh	GDQP - Quân	Văn - Văn	Toán - Nam Toán
	5	SHL - Toại	SHL - Hương Hoá	SHL - Diệp	SHL - Hoàn	SHL - Giang	SHL - Mừng	SHL - Hoài	SHL - Oanh	SHL - Linh Tin	SHL - Hương Anh

THỜI KHOÁ BIỂU
BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 11 năm 2025

THỨ	TIẾT	11A4 (Thu)	11A5 (Ly)	11A6 (Hồng Văn)	11A7 (Trình)	12A1 (Hồng Hoá)	12A2 (Mai)	12A3 (Sơn Anh)	12A4 (Hiền)	12A5 (Huyền)	12A6 (Yến Văn)
2	1	ChCờ - Thu	ChCờ - Ly	ChCờ - Hồng Văn	ChCờ - Trình	ChCờ - Hồng Hoá	ChCờ - Mai	ChCờ - Sơn Anh	ChCờ - Hiền	ChCờ - Huyền	ChCờ - Yến Văn
	2	Toán - Trường	NNgữ - Hương Anh	Văn - Hồng Văn	Địa - Ly	Sử - Hồng Sử	Sinh - Chi	GDQP - Khoa	Hóa - Hồng Hoá	CNghệ - Khuê	NNgữ - Mai
	3	Toán - Trường	KTPL - Hương GD	Văn - Hồng Văn	Lí - Minh	Hóa - Hồng Hoá	Lí - Toại	Văn - Yến Văn	NNgữ - Nhật Tân	Địa - Huyền	KTPL - Mừng
	4	Lí - Lợi	TNHN - Hương Anh	Địa - Ly	Nhac - Hằng	TNHN - Chi	TNHN - Hương GD	Sử - Hồng Sử	Sử - Hiền	NNgữ - Nhật Tân	Văn - Yến Văn
	5	Sinh - Dũng	CNghệ - Khuê	Lí - Minh	TNHN - Hằng	NNgữ - Nhật Tân	Sử - Hồng Sử	Sinh - Chi	Toán - Loan	TNHN - Hương GD	Địa - Huyền
3	1	Tin - Linh Tin	GDQP - Quân	NNgữ - Trình	Toán - Thanh	GDQP - Khoa	NNgữ - Mai	Lí - Thuận	Sinh - Chi	Sử - Hồng Sử	Toán - Yến Toán
	2	Sử - Hoa Sử	Sinh - Dũng	GDQP - Quân	Lí - Minh	NNgữ - Nhật Tân	Toán - Hậu	Sinh - Chi	Lí - Thuận	GDTC - Tuấn	Toán - Yến Toán
	3	TNHN - Dũng	Sử - Hoa Sử	Địa - Ly	Văn - Nga	GDTC - Tuấn	Toán - Hậu	NNgữ - Mai	TNHN - Sơn Anh	Địa - Huyền	Sử - Hồng Sử
	4	Sinh - Dũng	Địa - Ly	KTPL - Hương GD	Văn - Nga	Sinh - Chi	GDTC - Tuấn	TNHN - Sơn Anh	GDQP - Khoa	NNgữ - Nhật Tân	NNgữ - Mai
	5	GDQP - Quân	Văn - Nga	Sử - Hoa Sử	Địa - Ly	Lí - Thuận	TNHN - Hương GD	Toán - Yến Toán	Tin - Hoa Tin	KTPL - Mừng	Địa - Huyền
4	1	Văn - Vân	GDTC - Diện	NNgữ - Trình	Toán - Thanh	Toán - Loan	GDQP - Khoa	Tin - Hoa Tin	Văn - Thảo	Văn - Hồng Văn	Văn - Yến Văn
	2	Văn - Vân	CNghệ - Khuê	GDDP - Hoa Sử	NNgữ - Trình	Toán - Loan	Văn - Thảo	Hóa - Tuyệt	TNHN - Sơn Anh	Văn - Hồng Văn	KTPL - Mừng
	3	NNgữ - Tú Anh	Sinh - Dũng	TNHN - Hằng	Địa - Ly	Tin - Linh Tin	GDTC - Tuấn	Văn - Yến Văn	Sinh - Chi	TNHN - Hương GD	Lí - Oanh
	4	GDDP - Hoa Sử	TNHN - Hương Anh	Địa - Ly	KTPL - Hương GD	GDTC - Tuấn	Sinh - Chi	Văn - Yến Văn	Hóa - Hồng Hoá	CNghệ - Khuê	TNHN - Sơn Anh
	5	Tin - Linh Tin	Địa - Ly	CNghệ - Khuê	GDTC - Diện	Hóa - Hồng Hoá	TNHN - Hương GD	TNHN - Sơn Anh	GDDP - Hiền	Sinh - Chi	GDTC - Tuấn
5	1	Văn - Vân	NNgữ - Hương Anh	Toán - Huy	Văn - Nga	NNgữ - Nhật Tân	Hóa - Tuyệt	Lí - Thuận	Tin - Hoa Tin	Sử - Hồng Sử	TNHN - Sơn Anh
	2	Toán - Trường	Văn - Nga	Toán - Huy	Sử - Hoa Sử	Lí - Thuận	Tin - Hoa Tin	NNgữ - Mai	TNHN - Sơn Anh	Địa - Huyền	CNghệ - Khuê
	3	Lí - Lợi	Văn - Nga	NNgữ - Trình	GDQP - Quân	Văn - Lan Anh	GDDP - Hồng Sử	Toán - Yến Toán	GDTC - Tuấn	NNgữ - Nhật Tân	Địa - Huyền
	4	Hóa - Thu	Toán - Yến Toán	TNHN - Hằng	NNgữ - Trình	GDDP - Hồng Sử	Lí - Toại	Hóa - Tuyệt	Sinh - Chi	Toán - Hậu	NNgữ - Mai
	5	NNgữ - Tú Anh	Toán - Yến Toán	Sử - Hoa Sử	TNHN - Hằng	TNHN - Chi	NNgữ - Mai	GDTC - Tuấn	NNgữ - Nhật Tân	Toán - Hậu	GDQP - Khoa
6	1	Toán - Trường	GDTC - Diện	Văn - Hồng Văn	Văn - Nga	Văn - Lan Anh	Hóa - Tuyệt	Lí - Thuận	NNgữ - Nhật Tân	GDDP - Hồng Sử	Lí - Oanh
	2	NNgữ - Tú Anh	TNHN - Hương Anh	GDTC - Diện	GDDP - Hoa Sử	Văn - Lan Anh	Văn - Thảo	Hóa - Tuyệt	Lí - Thuận	Văn - Hồng Văn	GDDP - Hồng Sử
	3	TNHN - Dũng	Văn - Nga	CNghệ - Khuê	Toán - Thanh	Toán - Loan	Văn - Thảo	Tin - Hoa Tin	GDTC - Tuấn	TNHN - Hương GD	Văn - Yến Văn
	4	Hóa - Thu	GDDP - Hoa Sử	KTPL - Hương GD	Toán - Thanh	Toán - Loan	NNgữ - Mai	GDDP - Hồng Sử	Hóa - Hồng Hoá	GDQP - Khoa	Văn - Yến Văn
	5	GDTC - Diện	NNgữ - Hương Anh	Lí - Minh	TNHN - Hằng	Hóa - Hồng Hoá	Tin - Hoa Tin	NNgữ - Mai	Toán - Loan	GDTC - Tuấn	CNghệ - Khuê
7	1	Hóa - Thu	Toán - Yến Toán	Toán - Huy	GDTC - Diện	TNHN - Chi	Toán - Hậu	TNHN - Sơn Anh	Văn - Thảo	Văn - Hồng Văn	Sử - Hồng Sử
	2	GDTC - Diện	Sử - Hoa Sử	Văn - Hồng Văn	KTPL - Hương GD	Sinh - Chi	Toán - Hậu	Toán - Yến Toán	Văn - Thảo	KTPL - Mừng	TNHN - Sơn Anh
	3	TNHN - Dũng	Địa - Ly	TNHN - Hằng	NNgữ - Trình	Tin - Linh Tin	Lí - Toại	Toán - Yến Toán	Toán - Loan	Toán - Hậu	GDTC - Tuấn
	4	Sinh - Dũng	KTPL - Hương GD	GDTC - Diện	Nhac - Hằng	Lí - Thuận	Hóa - Tuyệt	GDTC - Tuấn	Toán - Loan	Sinh - Chi	Toán - Yến Toán
	5	SHL - Thu	SHL - Ly	SHL - Hồng Văn	SHL - Trình	SHL - Hồng Hoá	SHL - Mai	SHL - Sơn Anh	SHL - Hiền	SHL - Huyền	SHL - Yến Văn

[illegible]